

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-GDPT

Hà Tĩnh, ngày tháng 7 năm 2026

V/v công bố điểm sàn, điểm chuẩn
tuyển sinh vào lớp 10 THPT công
lập năm học 2026-2027

Kính gửi: Các trường trung học phổ thông công lập

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông và tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh năm học 2026-2027; Văn bản số 6417/UBND-VX ngày 02/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập năm học 2026-2027; Quyết định số 2326/QĐ-SGDĐT ngày 09/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-SGDĐT ngày 22/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 – 2027;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026 - 2027; Nguyên vọng đăng ký tuyển sinh vào các trường trung học phổ thông và nguyện vọng đăng ký tuyển sinh vào các lớp chuyên Ngoại ngữ của thí sinh, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các trường về điểm sàn và điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2026 - 2027 như sau:

1. Điểm sàn tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập (không chuyên): 15,00 điểm;

2. Điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (không chuyên):

TT	Trường THPT	Điểm chuẩn Nguyện vọng 1
1.	THPT Kỳ Anh	20,75
2.	THPT Lê Quảng Chí	18,75
3.	THPT Nguyễn Huệ	18,25

TT	Trường THPT	Điểm chuẩn Nguyện vọng 1
4.	THPT Kỳ Lâm	17,50
5.	THPT Nguyễn Thị Bích Châu	18,50
6.	THPT Cẩm Xuyên	18,50
7.	THPT Cẩm Bình	18,75
8.	THPT Hà Huy Tập	18,50
9.	THPT Nguyễn Đình Liễn	15,00
10.	THPT Phan Đình Phùng	24,50
11.	THPT Thành Sen	15,00
12.	THPT Lý Tự Trọng	19,75
13.	THPT Nguyễn Trung Thiên	15,00
14.	THPT Lê Quý Đôn	16,75
15.	THPT Can Lộc	15,00
16.	THPT Đồng Lộc	17,25
17.	THPT Nghèn	21,00
18.	THPT Nguyễn Văn Trỗi	15,00
19.	THPT Mai Thúc Loan	17,75
20.	THPT Nguyễn Đồng Chi	15,75
21.	THPT Hồng Lĩnh	18,50
22.	THPT Nguyễn Du	17,00
23.	THPT Nguyễn Công Trứ	15,00
24.	THPT Nghi Xuân	15,00
25.	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	19,50
26.	THPT Trần Phú	18,50
27.	THPT Đức Thọ	15,00
28.	THPT Hương Sơn	18,50
29.	THPT Lê Hữu Trác	15,00
30.	THPT Lý Chính Thắng	15,00
31.	THPT Cao Thắng	15,00
32.	THPT Hương Khê	18,50

TT	Trường THPT	Điểm chuẩn Nguyện vọng 1
33.	THPT Hàm Nghi	16,00
34.	THPT Phúc Trạch	15,00
35.	THPT Vũ Quang	15,00
36.	THPT Cù Huy Cận	15,00

Lưu ý: Thí sinh trúng tuyển các bài thi đều phải có điểm lớn hơn 1,00.

3. Điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh

TT	Lớp chuyên	Điểm trúng tuyển
1	Toán	- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 44,50$ - Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số bằng 44,25 và điểm bài thi môn chuyên Toán $\geq 6,25$
2	Vật lý	Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 44,00$
3	Hoá học	Điểm các bài thi $\geq 5,00$ và tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 46,94$
4	Sinh học	Điểm các bài thi $\geq 5,00$ và tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 45,00$
5	Tin học	Điểm các bài thi $\geq 5,00$ và tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 44,20$
6	Ngữ văn	- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 47,50$ - Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số bằng 47,25 và điểm bài thi môn chuyên Ngữ văn $\geq 7,25$
7	Lịch sử	Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 46,50$
8	Địa lý	Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 45,25$
9	Tiếng Anh	- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 46,46$ và đăng ký nguyện vọng 1 vào lớp chuyên Tiếng Anh. - Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số bằng 46,45, điểm bài thi môn chuyên Tiếng Anh $\geq 6,65$ và đăng ký nguyện vọng 1 vào lớp chuyên Tiếng Anh.
10	Tiếng Trung Quốc	- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 46,45$ và đăng ký nguyện vọng 1 vào lớp chuyên Tiếng Trung Quốc;

TT	Lớp chuyên	Điểm trúng tuyển
		- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số nhỏ thua 46,45 và lớn hơn hoặc bằng 45,00, đăng ký nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2 vào lớp chuyên Tiếng Trung Quốc.
11	Tiếng Pháp	<p>- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số $\geq 46,45$ và đăng ký nguyện vọng 1 vào lớp chuyên Tiếng Pháp;</p> <p>- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số nhỏ thua 46,45 và lớn hơn hoặc bằng 45,00, đăng ký nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2 vào lớp chuyên Tiếng Pháp;</p> <p>- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số nhỏ thua 45,00 và lớn hơn hoặc bằng 43,96, đăng ký nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2 hoặc nguyện vọng 3 vào lớp chuyên Tiếng Pháp.</p> <p>- Điểm các bài thi $\geq 5,00$, tổng điểm các bài thi đã tính hệ số bằng 43,95, điểm bài thi môn chuyên Tiếng Anh $\geq 5,65$, điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi năm học lớp 9 $\geq 9,80$, điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 $\geq 9,50$, đăng ký nguyện vọng 1 hoặc nguyện vọng 2 hoặc nguyện vọng 3 vào lớp chuyên Tiếng Pháp.</p>

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Trưởng các phòng và tương đương thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Lê Nam